

Trong lịch sử Việt Nam có hai cuộc di cư vĩ đại, cả hai cùng đổ lánh nạn cộng sản, vào năm 1954 và 1975



Hình (U.S. Foreign Administration, 1955): Cuộc di cư vĩ đại đầu tiên của dân tộc Việt Nam lánh nạn Cộng Sản vào năm 1954 từ miền Bắc vào miền Nam.

Trong lịch sử Việt Nam có hai cuộc di cư vĩ đại, cả hai cùng đổ lánh nạn cộng sản, vào năm 1954 và 1975. Cuộc di cư 1975, kéo dài tận những ngày tháng 4 cho tới năm 1988, là năm đóng cửa các trại tị nạn ở Đông Nam Á với sự ra đời của Chương Trình Ra Đi Có Trật Tự (Orderly Departure Program) sau bao tháng kịch liệt biên vuốt biên vớt với khoong 500 ngàn người bị mäng trên đäng đi tìm tä do, theo mät thäng kê của Liên Hiệp Quốc. Cuộc di cư này đã có nhiều sách vở tài liệu cùng với hình ảnh däy đäy trong các thä viän cũng như trên Internet. Riêng cuộc di cư năm 1954-55 có thể nói là chưa có một tài liệu nào đúc kết lại cho đầy đủ, dù không trọn vẹn, cho tới giờ đây.

Cuốn “Operation Passage to Freedom – The United States Navy in Vietnam, 1954-1955” (Texas Tech University Press, Lubbock, Texas, 2007), tóm tắt là “Chiến Dịch Đäng Täi Tä Do – Hải Quân Hoa Kỳ tại Việt Nam, 1954-1955”, do Ronald B. Frankum, Jr. biên soạn, có thể nói là cuốn sách đầu tiên đã cho ta một cái nhìn khá đầy đủ và chi tiết về cuộc di tản kéo dài 300 ngày, từ ngày 15 tháng 8, 1954, gần ba tháng sau khi ngày ký kết sau khi Hiệp Định Geneva chia cắt Việt Nam thành hai miền Bắc, Nam, tới ngày 15 tháng 5, 1955, ngày chiến täu cuối cùng của Hoa Kỳ rời khỏi miền Đäng Sän.

Cuộc di tản này có sự tham gia của 115 chiän häm và các loại täu län, như khác của Mỹ, và đã chuyên chở trên 310,000 người trong số 800,786 täng số người di cư, kể cả dân lính quân sự, tä Bắc vào Nam. Số còn lại do các cơ quan của chính phủ Việt, Pháp và Anh đảm trách, bằng phương tiện vät täu thủy vät máy bay, và khoong trên 40,000 người tät cục bằng các phương tiện riêng. (Table 10.1. Evacuation Totals, May 1955, tr. 205, và Phä Lạc C, tr. 216).

Cuốn sách dày 250 trang, bìa cứng, gồm 9 chương và một chương kết, và ba phụ lục, đã hoàn thành biên soạn như một phần của lịch sử Hội Quân Hoa Kỳ, đặc biệt như những khía cạnh đóng góp vào các công tác nhân đạo của binh chủng này. Song đây cũng là một tài liệu quý và có lẽ là đặc biệt về cuộc di tản vĩ đại, tuy không bị thông báo về cuộc di tản năm 1975 và những chuyển biến sau đó, cho những nhà viết sử và những người quan tâm tới lịch sử Việt Nam. Bởi vì tập sách không những chép các phần về cuộc di tản người di cư, mà còn kể tới các những nỗ lực để nhận xét khi gần 1 triệu người tị nạn Nam Bộ, ít ra là trong thời gian 300 ngày di tản, cho tới khi chuyển tầu chót rời vùng Hội Phòng vào ngày 15 tháng 5, 1955 khi bức màn tre buông xuống miền Bắc.

Số gia Frankum cho biết sự dĩ ông quan tâm tới cuộc di tản 1954-55 này vì trong khi nghiên cứu về chiến tranh Việt Nam và các di sản binh khí thời kỳ chiến tranh Việt Nam, ông nhận thấy biên niên sử di tản này thông thường chỉ đề cập tới qua loa. Vào đầu năm 1998, ông kể trong bài tựa, trong lúc đang nghiên cứu về một số hình ảnh trong bộ sưu tập của Douglas Pike, một nhân viên Bộ Ngoại Giao đã trải qua nhiều năm làm việc và sưu tập các dữ kiện về Đông Nam Á, có một tấm hình đã lôi kéo sự chú ý của ông. Đó là bức hình một bà cụ Việt Nam với khuôn khổ tui tùy vẩy quanh bộ một số thời kỳ chiến tranh. Chú thích dưới hình ghi là hình chụp trong chiến dịch để cứu mạng danh là Passage to Freedom (Đường Tỵ Tỵ Do). Bức hình, với nét mặt nói lên một nỗi khổ cực, niềm bàng hoàng kinh nghiệm và trải qua, và một thoáng hy vọng của người đàn bà đã lặn lội trong ký ức Frankum dai dẳng một, hai năm sau đó. Ông bắt đầu một cuộc tìm hiểu về chiến dịch này. “Đi u mà tôi đã học hỏi được sau đó khá sâu, vì rằng một số tài liệu quan trọng về cuộc chiến Việt Nam đã chỉ đề cập qua loa tới chiến dịch Đường Tỵ Tỵ Do này.”

Vào đầu năm 2000, ông quyết định dùng chiến dịch này làm nền tảng cho dự án nghiên cứu kể đó của ông. Vào một ngày thứ Sáu, ông lên tìm trên Internet và thấy một số Web sites của các hội cựu chiến binh thu thập một số chiến sĩ hải quân Mỹ và đưa ra liên lạc, ông gọi e-mail để tìm và xin liên lạc với những người đã từng tham dự vào chiến dịch Đường Tỵ Tỵ Do. “Những hồi âm tôi nhận được vào sáng thứ Hai khi tôi trở lại làm việc đã châm ngòi cho tiến trình hình thành cuốn sách này,” ông Frankum, tác giả của nhiều tập sách biên khảo về chiến tranh Việt Nam, cho biết.

“Chiến Dịch Đường Tỵ Tỵ Do là một biên niên [đáng được đề cập tới nhiều] hơn là chỉ những một đơn vị trong cuộc chiến của Mỹ tại Việt Nam,” tác giả viết trong phần đầu tiên. “Đi về phía phía nam người Mỹ, Chiến Dịch Đường Tỵ Tỵ Do, nếu có nghĩ tới chẳng, là một ghi chú trong giai đoạn tham dự khi thời kỳ của một cuộc chiến sự xuất chúng của nước Mỹ một thập niên sau đó. Tuy nhiên, đi về các chàng trai trẻ hồi ấy, giờ đã ở tuổi 70 và 80, những người đã di tản một quốc gia vào năm 1954 và 1955, Chiến Dịch Đường Tỵ Tỵ Do là đi tìm một chủ đề để đi học. Ngay cả 50 năm sau, đi về những thời kỳ đã phớt lờ trên những con tầu của Task Force 90, biên niên này đã là một trong những đi tìm quyết định của đi học.”

Cuộc di tản không ngừng đã gây ấn tượng sâu đậm nơi các thực thể đã tham dự vào chiến dịch di tản vĩ đại này, nó còn thay đổi cuộc đời của gần 1 triệu người ở Bắc di cư, bên cạnh những người của 11 triệu người sinh quán miền Nam, sự ra đời của một quốc gia mang tên Việt Nam Cộng Hòa hàng loạt các mặt sống và tiềm năng phát triển. Với sự bảo lãnh của Hoa Kỳ, VNCH đã lôi kéo được nhiều hàng triệu tay kiếm tiền và xây dựng tất cả các nước do trên thế giới. Nếu không vì tham vọng thanh toán miền Nam của Hàn Quốc và sự hỗ trợ của các cường quốc sau đó, có thể VNCH đã trở thành một thế Nam Hàn.

Và, nhìn từ khía cạnh văn hóa, ta đã thấy sự hình thành và phát triển rõ ràng, chắc chắn có trong lịch sử với nhiều khía cạnh, giáo dục, xã hội, và đặc biệt văn hóa nghệ thuật, một lúc chỉ trong một giai đoạn ngắn có 20 năm, 1954-1975, thời gian chưa đủ cho một cá nhân trở nên thành. Những văn hóa này đã nảy nở, phô sự muôn màu muôn vẻ là những đứa trẻ sinh ra trong bầu không khí tự do, lối sống tiếp xúc, nuôi dưỡng bởi những văn hóa tiên tiến trong đó cũng từ Bắc di cư vào Nam (vốn đã bắt đầu chính nơi chôn nhau cắt rốn của nó), phải tiếp xúc với những văn hóa sẵn có bởi giới của miền Nam vốn vốn dĩ những người không khí tự do của miền Bắc trước đó, và bởi vì các mặt tung của ngõ đón nhận các trào lưu từ thế giới và triết lý của phương Tây vô cùng phong phú của thập niên 1950 và 1960.

Trở lại cuộc "Operation Passage to Freedom", Frankum cho rằng Hoa Kỳ đã hành xử trong tình thế trách nhiệm: sau khi đã giúp di tản những người khao khát tự do đông đảo này vào miền Nam (mà nếu để một mình hai chính phủ Pháp và Việt Nam chắc chắn đã không mang được cái biên giới mới của miền Bắc vào Nam này, trong khi Anh quốc cũng chỉ tiếp tay cầm chèo vì coi đó là vấn đề của Pháp). Để giúp họ nên đến nơi, Hoa Kỳ đã không thể quay lưng coi như đã hoàn tất phần sự và đã tiếp tục hỗ trợ giúp miền Nam xây dựng nên một quốc gia mới trên căn bản dân chủ tự do, đi nữa mà ai cũng phải công nhận. Sự tham dự tích cực này của Hoa Kỳ là chính là đi nữa mà Hàn Quốc đã khôn khéo khai thác tuyên truyền cho chiêu bài chiến tranh giới phóng của hàng vài năm sau đó, để ngấm khi nào cho nhiều người ở miền Nam cũng chấp nhận chiêu bài này một cách tình cờ hay vô thức. Tôi vốn nghĩ, cũng như vì chiến dịch Đôn Ng Tội Tội Do ít được đề cập tới một cách chi tiết, công lao đáng kể của một biên giới của chính phủ Ngô Đình Diệm hình như vốn của những nghiên cứu tìm hiểu từ thế giới. Và tôi cũng rất tò mò muốn biết báo chí Miền Nam lúc này đã thế nào thu thập ra sao về cuộc di cư hàng loạt này, cũng như công cuộc diễn ra sau đó.

Độc "Operation Passage to Freedom" tôi có cái thích thú, ngoài một thẩm mỹ mà phần lớn di kiến thức, của người ở đó cũng nghe kể những chuyện của hàng triệu người hay chỉ nghe biết lờ mờ bõm đầu đó mới nói một chút, về một biên giới đã thay đổi của cuộc đời của bao nhiêu triệu con người. Những chuyện này như tôi nói, quan trọng thì từ từ, mà Frankum đã tìm thấy qua những văn bản chính thức, bản tường trình, thư trao đổi giữa các nhân vật trong thời gian liên hệ được lưu trữ trong văn khố của Hội Quân và Thế Giới Quốc Hội, và qua những cuộc phỏng vấn với các cựu thực tiễn còn sống và đã có mặt trên 100 chiến sĩ hóm hóm dân di cư suốt

300 ngày ngác xuôi hai mián Bác Nam. Có nháng tài liáu ghi lái lái kác a các nhân cháng vá nháng ngán chán, tuyên truyán (nhá viác sá bá tháy thá Má ném xuáng bián mát khi táu nhá neo ra khái náu ghi danh di cá, cháng hán), phá hoái, kác viác đòi náp tián mua giáy tá di chuyán, cáa Viát Minh, khián nhiáu ván ngái đã bá kát lái.

Mát trong nháng chi tiát tôi không khái bát cái, bên cánh nháng cái nháu máy không tránh khái trác nháng bián cá lách sá táng đã vái sâu chôn chát sau cá hán náa thá ká: Đó là chuyán (mác dù Pháp đã háa sá cung cáp thông dách viên, nháng đã không đáp áng) thiáu ngái trên tàu Má biát tiáng Viát cũng nhá tiáng Pháp, hoác biát tiáng Pháp mà là thá tiáng Pháp hác á trung hác cháng ai hiáu; và không có ngái biát tiáng Anh bên phía dân di cá. Váy làm sao đá nói chuyán, truyán đá thông tin cán thiát nái táu bác ngái, trong lúc trên táu cho chuyán hái hành ba ngày vào Nam, và tái nái đá ngái xuáng bán? Bên phía Má chát có ngái khám phá ra máy ông linh mác Viát là nháng ngái biát tiáng La tinh, mát ngôn ngá đã chát không còn máy ai dùng; và trên táu Má tình cá có máy ông tuyên úy đáo Thiên Chúa cũng phái biát tiáng La tinh. Mát tháy thá nhá lái trong mát cuác pháng ván vái Frankum là tiáng La tinh do đáy đã có lúc đác xá đáng trong chián đách di tán và anh ta nghĩ là thát nác cái khi mát táng đã đác đáng đáy đá làm pháng tián truyán thông. Tuy nhiên, không phái táu nào cũng có cái may mán xa xá có đác mát ông tuyên úy nói đác táng này. Do đáy nói chuyán báng tay trá thành ngôn ngá chung.

Cuán sách, vái lái giái thiáu cáa Tián sĩ James R. Reckner, chá bút nhà xuát bán Texas Tech University Press, đác trình báy theo thá tá thái gian cáa các dián bián cáa các bián cá và sá viác, nên khá đá đác, vái Cháng 1 mang táa là Đáng tái Geneva (Road to Geneva); Cháng 2 Kháng Hoáng Gia Tăng (The Growing Crisis); Cháng 3 Tá Chác Di Tán (Organizing the Passage); Cháng 4 Mát Bián Ngái, Tháng 8, 1954 (A Mass of Humanity, August 1954); Cháng 5 Thách Thác Trên Bá, Tháng 8, 1954 (Challenges by Land); Cháng 6 Tá Hà Nái tái Hái Phòng: Vòng Tròn Khép Lái (Hanoi to Haiphong: The Circle Closes); Cháng 7 Cuác Đánh Cá Mát Quác Gia (Resettling a Nation); Cháng 8 Tá Hà Nái Tái Hái Phòng: Mát Đát Nác Trong Chuyán Tiáp (Hanoi to Haiphong: A Country in Transition); Cháng 9 Chuyán Tiáp và Đái Thay (Transitions and Change); và phán Kát Luán Bác Màn Tre Buáng Xuáng (The Bamboo Curtain Falls).

Trong cháng kát, Frankum có viát mát đán khián ngái đác không khái ngám ngái: “Chuyán táu Má cuái cùng, chiác General Brewster, rái cáng Hái Phòng đúng hán vào ngày 13 tháng 5 [1955], háng vá Đá Sán đá bác lác láng an ninh và đá phá từng cuái cùng cáa Pháp, cùng vái nhóm khoáng 10 ngái tán đã bá trán khái vùng Viát Minh. Trong đám 10 ngái này có mát ngái cha và cô con gái đã phái láu lái Hà Nái vì ngái má không cháu bá mián Bác di cá. Hai cha con này, nháng ngái di cá chính thác cuái cùng theo Hiáp Đánh Geneva, đành bá lái ngái má Hà Nái hán là phái sáng đái sá đá hác a Viát Minh. Sá chia cát gia đánh này táng tráng cho giai đáan 1954 và 1955 khi Đông Dáng bá chia thành Bác và Nam. Phán lán nháng ngái

55 Năm Ngày Kẹt Thúc Cuộc Di Cư Vĩ Đại 1954

Tác Giả: Trùng Dßng

Chúa Nhật, 23 Tháng 5 Năm 2010 20:28

bß mißn Bßc ra đi vào Nam đã bß lßi đßng sau vài ngßi thân trong gia đình hoßc mß mß tß tiên hß. Đßi vßi nhßng ngßi này đßt nßc thßc sß bß chia cßt và chß có thß trß lßi nguyên vßn khi nào Vißt Minh bß đánh bßi và hß đßc trß vß nßi chôn nhau cßt rßn. Đßi vßi nhßng ngßi này, gißc mß hßi hßng ßy đã không bao giß trß thành hißn thßc, và đßi vßi nhßng ngßi sßng sót cußc chißn tßi ngày 30 tháng 4, 1975, kinh nghißm di cư Đßng Tßi Tß Do – ß mßt mßc đß tàn khßc và vô tß chßc hßn nhißu—lßi đã tái dißn. Nhßng ngßi Vißt Nam bß mißn Bßc ra đi chß bß mßt nhà. Năm 1975, hß mßt cß quê hßng.” (tr. 205).

Đßc ‘Chißn Dßch Đßng Tßi Tß Do’, 1954-1955